

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Minh Trí

2. Ngày tháng năm sinh: 27/10/1984; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 716 chung cư A1, Nguyễn Ái Quốc, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 818 chung cư A1, Nguyễn Ái Quốc, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0934854986;

E-mail: trnm@uit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2006 đến 07/2011: Giảng viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Nai

Từ 08/2011 đến 06/2021: Giảng viên tại Trường Đại học Đồng Nai.

Từ 07/2021 đến 06/2024: Giảng viên tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 10 tháng 07 năm 2006, số văn bằng: C0764211, ngành: Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 30 tháng 08 năm 2010, số văn bằng: 005361, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số
- Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS [5] ngày 04 tháng 05 năm 2018, số văn bằng: QH02201700009, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số
- Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...
- 11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- 12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học
- 13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
 - Lý thuyết đối đồng điều địa phương.
 - Lý thuyết đồng điều địa phương.
- 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
 - Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn (số lượng) 1 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
 - Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở;
 - Đã công bố (số lượng) 20 bài báo khoa học, trong đó 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
 - Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
 - Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
 - Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0
- 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Thưởng công trình Toán học năm 2015 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010-2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2015
2	Thưởng công trình Toán học năm 2017 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010-2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2017
3	Thưởng công trình Toán học năm 2018 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010-2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2018
4	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2023
5	Giải thưởng công trình Toán học xuất sắc năm 2023 thuộc Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2021-2030 (Giải ba)	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tôi không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở bất kỳ hình thức nào hoặc thi hành án hình sự. Tôi trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

- Tôi có đủ thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên.

- Tôi luôn hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 11 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2029					345		345/370/270
2	2019-2020					270		270/322/270
3	2020-2021					465		465/595.65/270
03 năm học cuối								
4	2021-2022					450		450/450/270
5	2022-2023			1		450		450/450/250
6	2023-2024					390		390/390/200

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Đà Nẵng số bằng: DND.6.1241.23; năm cấp: 2023

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Viết các bài báo khoa học, đọc hiểu các tài liệu, và tham gia các hội thảo quốc tế.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BSN T	Chính	Phụ			
1	Võ Đình Tuấn		X	X		06/2022 đến 12/2022	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	26/04/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ tran g ... đến tran g)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Tính cominimax của môđun đối đồng điều địa phương suy rộng	CN	11, cấp Cơ sở	01/01/2018 đến 01/01/2020	10/08/2020
2	Môđun đối đồng điều địa phương theo một hệ idêan với chiều nhỏ	CN	D1-2022-07, cấp Cơ sở	15/08/2022 đến 31/08/2023	22/05/2023. Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Generalized ideal transforms	2	Không	Studia Scientiarum Mathematicarum Hungarica	Có - SCIE IF: IF: 0.296, Q3 (2014)		51, 1, 67-82	03/2014
2	Some properties of generalized local cohomology modules with respect to a pair of ideals	3	Không	International Journal of Algebra and Computation	Có - SCI IF: IF: 0.699, Q2 (2014))	3	24, 7, 1043–1054	12/2014
3	Some results on local cohomology modules with respect to a pair of ideals	2	Không	Taiwanese Journal of Mathematics	Có - SCI IF: IF: 0.768, Q2 (2016)	1	20, 4, 743-753	03/2016
4	Serre subcategories and the cofiniteness of generalized local cohomology modules	2	Không	International Journal of Algebra and Computation	Có - SCI IF: IF: 0.473, Q2 (2016)		26, 6, 1267-128	03/2016
5	Ideal transforms with respect to a pair of ideals	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica	Có - Scopus IF: IF: 0.379, Q3 (2017)		42, 4, 701–715	12/2017
6	On coatomic modules and local cohomology modules with respect to a pair of ideals	2	Không	Journal of the Korean Mathematical Society	Có - SCIE IF: IF: 0.695, Q2 (2017)		54, 6, 1829-1839	11/2017

7	On the finiteness results of generalized local cohomology modules with respect to a pair of ideals	2	Không	Taiwanese Journal of Mathematics	Có - SCI IF: IF: 0.718, Q2 (2018)		21, 1, 39-53	02/2018
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
8	On minimax modules and generalized local cohomology with respect to a pair of ideals	3	Không	Acta Mathematica Vietnamica	Có - Scopus IF: IF: 0.807, Q3 (2021)		46, 3, 457–470	09/2021
9	Cohomological dimensions of specialization-closed subsets and subcategories of modules	5	Không	Proceedings of the American Mathematical Society	Có - SCI IF: IF: 0.957, Q1 (2021)	1	149, 2, 481–496	02/2021
10	Attached primes of local cohomology modules with respect to a pair of ideals	1	Có	Journal of Algebra and Its Applications	Có - SCIE IF: IF:0.778, Q2 (2021)	1	20, 7, 2150111	07/2021
11	Some properties of local cohomology modules defined by a pair of ideals	3	Có	Mathematical Notes	Có - SCIE IF: IF: 0.616, Q2		110, 1, 100–109	08/2021
12	CFA modules and the finiteness of coassociated primes of local homology modules	1	Có	Hiroshima Mathematical Journal	Có - SCIE IF: IF: 0.306, Q4		51, 2, 155-161	07/2021
13	On artinianness of general local cohomology modules	1	Có	Bulletin of the Korean Mathematical Society	Có - SCIE IF: IF: 0.454, Q3		58, 3, 689–698	05/2021

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò U.V (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (U.V PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (U.V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (U.V chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Bài báo khoa học số 14: Coregular sequences and top local homology modules, International Electronic Journal of Algebra, Vol. 31, No. 1 (2022), 38-48.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (U.V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (U.V chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tỉnh Đồng Nai, ngày 01 tháng 07 năm 2024

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)